



gǎn dòng

感动

Verb · move (emotionally)

Example Sentences

mā mā de ài ràng wǒ hěn gǎn dòng
妈妈的爱让我很感动。

My mother's love moved me deeply.

kàn dào zhì yuàn zhě bāng zhù lǎo rén wǒ hěn gǎn dòng
看到志愿者帮助老人，我很感动。

I was moved when I saw volunteers helping the elderly.

nǐ nán dào méi yǒu bèi tā de gù shì gǎn dòng ma
你难道没有被他的故事感动吗？

Weren't you moved by his story?

Trace each character, then write the word on your own.

感	感	感	感	感	感	感	感	感	感	感
感	感	感	感	感						
动	动	动	动	动	动	动	动	动		